TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2026
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân khu vực 5, tỉnh An Giang (cơ sở 2), đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 532/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Thị Hồng T - sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, tỉnh A.

2. *Bị đơn*: Ông Võ Quốc T1 - sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18/12/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thị Hồng T trình bày: Tôi và ông Võ Quốc T1 có tìm hiểu nhau trước được 01 năm nên đến năm 2002 thì chúng tôi tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương nhưng có đăng kí kết hôn trễ hạn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh K (cũ) vào ngày 18/9/2008.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp nhau, không có tiếng nói chung, chồng tôi ghen tuông vô cớ, nói lời lẽ xúc phạm tôi và chúng tôi không có ly thân, vẫn sống chung nhà với nhau nhưng vợ chồng không ai nói chuyện với ai. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, chúng tôi không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được hôn với chồng tôi là ông Võ Quốc T1.

Về con chung: Tôi xác định có 02 người con chung tên Vỏ Quốc T2 - sinh ngày 10/7/2003 và Vỏ Quốc T3 - sinh ngày 08/4/2008, hiện nay cháu T2 đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu T3 đang sống chung với

gia đình nên nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có thiếu ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với chồng tôi là ông Võ Quốc T1.

Về con chung: Tôi xác định có 02 người con chung tên Vỏ Quốc T2 - sinh ngày 10/7/2003 và Vỏ Quốc T3 - sinh ngày 08/4/2008, hiện nay cháu T2 đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu T3 đang sống chung với gia đình nên nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Như tôi trình bày trên nên không yêu cầu thêm gì.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2025 và biên bản hòa giải ngày 25/12/2025 bị đơn anh Võ Quốc T1 trình bày: Tôi thống nhất với toàn bộ lời trình bày của vợ tôi về hôn nhân, còn về mâu thuẫn vợ chồng thì tôi đi làm suốt ngày về rồi vợ không lo cơm nước nhà cửa, chỉ nằm bấm điện thoại, tôi nói thì vợ tôi không nghe, vợ tôi hay điện thoại lén lúc tôi nên vợ chồng mới cải nhau. Nay xét thấy vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, tôi muốn hàn gắn nên tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ tôi là Thị Hồng T.

Về con chung: Tôi xác định có 02 người con chung tên Vỏ Quốc T2 - sinh ngày 10/7/2003 và Vỏ Quốc T3 - sinh ngày 08/4/2008, hiện nay cháu T2 đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu T3 đang sống chung với gia đình nên nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ tôi là Thị Hồng T.

Về con chung: Tôi xác định có 02 người con chung tên Vỏ Quốc T2 - sinh ngày 10/7/2003 và Vỏ Quốc T3 - sinh ngày 08/4/2008, hiện nay cháu T2 đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu T3 đang sống chung với gia đình nên nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Như tôi trình bày trên nên không yêu cầu thêm gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Thị Hồng T và ông Võ Quốc T1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Bà Thị Hồng T và ông Võ Quốc T1 kết hôn vào năm 2002, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương nhưng có đăng kí kết hôn trễ hạn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 18/9/2008, cho nên theo qui định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của bà Thị Hồng T và ông Võ Quốc T1 là hôn nhân tự nguyện và có đăng kí kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, tuy trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau trước được 01 năm nhưng chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau. Vì vậy, khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp. Bà T cho rằng do ông bà tính tình không phù hợp nhau, không có tiếng nói chung, ông T1 ghen tuông vô cớ, nói lời lẽ xúc phạm bà và ông bà không có ly thân, vẫn sống chung nhà với nhau nhưng ông bà không ai nói chuyện với ai. Hơn nữa, bà T xác định sống với ông T1 không có hạnh phúc nên khởi kiện ra tòa xin ly hôn với ông. Còn ông T1 cho rằng do ông đi làm suốt ngày về rồi bà T không lo cơm nước nhà cửa, chỉ nằm bấm điện thoại, ông nói thì bà T tôi không nghe, bà T còn hay điện thoại lén lúc ông nên vợ chồng mới cải nhau nhưng ông còn thương vợ và vợ chồng không có mâu thuẫn lớn trong gia đình nên không đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ông bà là do ông bà chưa tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng nên ông bà thường xuyên cải vã và ông bà không có ly thân, vẫn sống chung nhà với nhau nhưng ông bà không ai nói chuyện với ai. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho ông bà hàn gắn nhưng bà T đã tỏ rõ thái độ không còn tình cảm và thương yêu gì đối với ông T1 nữa nên bà cương quyết ly hôn với ông. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thị Hồng T.

[4] Về con chung: Bà Thị Hồng T và ông Võ Quốc T1 xác định ông bà có 02 người con chung tên Vỏ Quốc T2 - sinh ngày 10/7/2003 và Vỏ Quốc T3 - sinh ngày 08/4/2008, hiện nay cháu T2 đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu T3 đang sống chung với gia đình nên ông bà xác định nguyện vọng của cháu T3 muốn sống với ai thì người đó nuôi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu T3 cũng có nguyện vọng muốn sống với

bà T nên HĐXX xét thấy cần giao cháu Vỏ Quốc T3 - sinh ngày 08/4/2008 cho bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Ông Võ Quốc T1 có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở ông thực hiện quyền này. Khi cần thiết, ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Bà Thị Hồng T và ông Võ Quốc T1 xác định ông bà có tài sản chung nhưng ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà Thị Hồng T và ông Võ Quốc T1 xác định ông bà không có thiếu nợ ai nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng bà Thị Hồng T phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012167, ngày 19/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, bà Thị Hồng T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Thị Hồng T được ly hôn với ông Võ Quốc T1.

2. Về con chung: Giao cháu Vỏ Quốc T3 - sinh ngày 08/4/2008 cho bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét.

Ông Võ Quốc T1 có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở ông thực hiện quyền này. Khi cần thiết, ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng bà Thị Hồng T phải nộp do bà có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012167, ngày 19/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, bà Thị Hồng T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 25/02/2026.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Định Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Thanh